

LE PASSÉ COMPOSÉ

Hãy chia động từ theo thì quá khứ

être	vouloir	mettre
devoir	vendre	permettre
pouvoir	connaître	vivre
savoir	naitre	venir

Hãy chọn động từ đúng “avoir” hay “être” và chia thì quá khứ với từ gợi ý trong ngoặc

1. Je (aller) _____ au cinéma.
2. Tu (manger) _____ une glace.
3. Il (entrer) _____ dans la cuisine.
4. Nous (finir) _____ le projet.
5. Vous (partir) _____ en voyage.
6. Elles (regarder) _____ un film.
7. Je (venir) _____ à l'école.
8. Tu (faire) _____ du vélo.
9. Il (sortir) _____ de la maison.
10. Nous (arriver) _____ à l'heure.

Sử dụng các từ gợi ý sau để đặt câu hoàn chỉnh ở thì passé composé:

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| 1. (Je / manger / une pizza) | 5. (Vous / partir / en vacances) |
| 2. (Tu / aller / au parc) | 6. (Elles / écouter / de la musique) |
| 3. (Il / finir / ses devoirs) | 7. (Il / prendre / un café) |
| 4. (Nous / voir / un film) | 8. (Tu / venir / à la fête) |